TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 26

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 72,1 …… 72,4

A. > **B.** < **C.** =

Câu 2. Hỗn số 76 791/1000 viết dưới dạng số thập phân là:

A. 76,0791 **B.** 0,867 **C.** 76,791 **D.** 760,791

Câu 3. Một sợi dây dài 32,13 m, sợi dây thứ hai dài hơn sợi dây thứ nhất 31,2 m. Cả hai sợi dây dài:

A. 33,06 m **B.** 95,36 m **C.** 95,46 m **D.** 63,33 m

Câu 4. 42,2 × 100 = ……

A. 422 **B.** 0,422 **C.** 4,22 **D.** 4220

Câu 5. 41 000 m² = …… ha

A. 41 **B.** 410 **C.** 4,1 **D.** 0,41

Câu 6. Hình tròn có đường kính 16 cm. Chu vi hình tròn là:

A. 50,24 cm **B.** 25,12 cm **C.** 100,48 cm **D.** 200,96 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số thập phân: 23,966; 23,6; 23,15; 23,83; 23,87.

a) Số bé nhất là: ……

b) Số lớn nhất là: ……

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: ……

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 2. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 140,15 + 28,4 = ……

b) 285,5 − 72,77 = ……

c) 18,3 × 5,4 = ……

d) 7,75 : 2,5 = ……

Bài 3. Tìm x:

a) x + 16,57 = 22,27; x = ……

b) x × 2,5 = 20,25; x = ……

c) 40,6 − x = 28,83; x = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1 m 2 cm = ……. m

b) 9 kg 66 g = ……. kg

c) 5 km² = ……. ha

d) 5500 m² = ……. ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 3 cm: ……. cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 3 cm: ……. cm²

c) Chu vi hình tròn đường kính 24 dm: ……. dm

Bài 6. Một tổ may cắt 6 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 3,3 m vải. Giá mỗi mét vải là 80 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: ……. m

b) Số tiền phải trả: ……. đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 26

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	C	D	C	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

Xếp từ bé đến lớn: 23,15 < 23,6 < 23,83 < 23,87 < 23,966

a) 23,15

b) 23,966

c) 23,83

d) 23,966 + 23,15 = 47,116

Bài 2.

a) 140,15 + 28,4 = 168,55

b) 285,5 − 72,77 = 212,73

c) 18,3 × 5,4 = 98,82

d) 7,75 : 2,5 = 3,1

Bài 3.

a) x = 22,27 − 16,57 = 5,7

b) x = 20,25 : 2,5 = 8,1

c) x = 40,6 − 28,83 = 11,77

Bài 4.

a) 1,02

b) 9,066

c) 500

d) 0,55

Bài 5.

a) 3 × 2 × 3,14 = 18,84

b) 3 × 3 × 3,14 = 28,26

c) 24 × 3,14 = 75,36

Bài 6.

Số vải: 3,3 × 6 = 19,8 (m)

Số tiền: 80 000 × 19,8 = 1 584 000 (đồng)